

CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC: NHỮNG CÚ HUÝCH VÀ THÁCH THỨC

ThS. Phùng Thị Kim Phượng - ThS. Nguyễn Thị Vân Anh
Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

Nhìn lại chặng đường CPH DNNN

Quá trình CPH DNNN ở Việt Nam được thực hiện từ năm 1992, bắt đầu với một số doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ, kinh doanh có lãi và tự nguyện CPH để thực hiện thí điểm. Trong bốn năm 1992-1996, tuy chỉ CPH được 5 doanh nghiệp (3 DN trung ương và 2 DN địa phương) nhưng cả 5 đơn vị này đều hoạt động có hiệu quả hơn trước khi CPH.

Từ sau năm 1996, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương chính sách về CPH, coi việc đẩy mạnh CPH những DNNN không cần nắm giữ 100% vốn là khâu quan trọng để tạo bước chuyển biến cơ bản trong việc nâng cao hiệu quả DNNN. Thời kỳ này, việc CPH được triển khai mạnh mẽ, trên diện rộng, ở tất cả các bộ, ngành, địa phương, tổng công ty. Các DNNN đã được tổ chức lại bằng các hình thức sáp nhập, hợp nhất, giải thể, phá sản, khoán kinh doanh, cho thuê và CPH. Các DNNN giảm mạnh về số lượng và được cải thiện đáng kể về quy mô vốn. Cơ cấu DNNN đã chuyển đổi theo hướng Nhà nước chỉ nắm giữ những lĩnh vực, ngành then chốt với thị phần đủ lớn đối với các sản phẩm, dịch vụ chủ yếu. Theo số liệu của Ban Chỉ đạo đổi mới và phát triển doanh nghiệp, giai đoạn 1998 - 2000 là giai đoạn bắt đầu tăng tốc, với số DNNN được CPH đạt 528 doanh nghiệp; Giai đoạn 2001-2007, CPH được 3.273 doanh nghiệp, đặc biệt, riêng trong giai đoạn 2003-2006, CPH được 2.649 doanh nghiệp. Nếu so với tổng số DNNN đã CPH cho đến nay (4.500 doanh nghiệp) thì số doanh nghiệp CPH riêng trong 4 năm này đã chiếm

Trong thời gian qua, cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước (CPH DNNN) luôn được coi là nhiệm vụ trọng tâm của quá trình tái cơ cấu nền kinh tế. Trải qua gần 24 năm triển khai thực hiện, CPH đã tạo được những "cú hích" mạnh mẽ, góp phần đổi mới và phát triển các doanh nghiệp trong nước nói riêng cũng như toàn bộ nền kinh tế nói chung.



gần 60%. Vì vậy, đây được coi là thời kỳ "bùng nổ" CPH với mức bình quân 1 năm rất cao, phản ánh xu hướng kinh tế thị trường tương đối rõ nét sau khi có Luật Doanh nghiệp và chuẩn bị cho việc mở cửa, hội nhập sâu, rộng hơn khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Cùng với bùng nổ CPH là sự lớn mạnh của khu vực ngoài Nhà nước cả về thị phần, cả về số lượng doanh nghiệp, số lao động, lượng vốn, tiêu thụ; vừa khai thác được các nguồn lực của xã hội, vừa phù hợp với việc chuyển đổi sang cơ chế thị trường.

Từ 2008 đến nay, tiến độ thực hiện CPH bị chậm lại. Trong 4 năm,

từ 2008 đến 2011, chỉ có 117 doanh nghiệp được CPH, tương đương với số doanh nghiệp được CPH trong năm 2007 và thấp hơn nhiều lần so với mấy năm trước đó. Nhằm thúc đẩy tái cơ cấu DNNN, từ năm 2012 đến nay, Việt Nam tiếp tục triển khai Đề án tái cơ cấu DNNN giai đoạn 2011 - 2015, trọng tâm tập trung vào các tập đoàn kinh tế và tổng công ty. Tuy nhiên, việc CPH vẫn diễn ra rất chậm. Trong 3 năm 2011 - 2013, chỉ CPH được 99 doanh nghiệp, số doanh nghiệp được CPH lần lượt từng năm là 12, 13, 74 doanh nghiệp. Tuy nhiên, với sự vào cuộc quyết liệt của Chính phủ,



tốc độ CPH đã được thúc đẩy nhanh hơn. Trong hai năm 2014 - 2015, số lượng doanh nghiệp được CPH đã tăng nhiều hơn, đạt 353 doanh nghiệp nhưng vẫn chưa đạt được kế hoạch đề ra là 432 doanh nghiệp. Riêng trong 10 tháng năm 2016, cả nước đã CPH được 48 DNNN và 3 đơn vị sự nghiệp. Như vậy, tính đến tháng 10/2016, cả nước đã có hơn 4500 DNNN được CPH, trong đó có 1 tập đoàn kinh tế, 47 tổng công ty Nhà nước và nhiều DNNN quy mô lớn.

Những "cú huých" từ CPH DNNN

Theo các chuyên gia kinh tế, quá trình CPH DNNN tại Việt Nam trong thời gian qua được đánh giá là đã tạo ra nhiều tác động tích cực đối với doanh nghiệp CPH và toàn bộ khu vực DNNN, tạo nên những "cú huých" trên nhiều bình diện.

Đối với doanh nghiệp, CPH tạo điều kiện cho doanh nghiệp đổi mới phương thức quản lý, quản trị; đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh; huy động vốn, mở rộng sản xuất, kinh doanh, tiến tới phát triển bền vững. Việc chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần thực sự là bước chuyển về chất trong hoạt động sản xuất kinh doanh và quản trị doanh nghiệp. Thông qua CPH, các doanh nghiệp đã thu hút được các nhà đầu tư chiến lược, đặc biệt là các nhà đầu tư tài chính, kỹ thuật, công nghệ, kinh nghiệm tổ chức quản lý... Đây là những "cú hích" mạnh mẽ cho doanh nghiệp phát triển.

Cùng với đổi mới phương thức quản lý, quản trị doanh nghiệp, việc các công ty sau khi CPH thực hiện niêm yết trên thị trường chứng khoán cũng giúp nâng cao tính công khai, minh bạch, tăng cường sự giám sát của xã hội đối với hoạt động của doanh nghiệp, do đó, tạo được niềm tin đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước; thu hút thêm được nhiều nhà đầu tư mới. Thực tế, có nhiều trường hợp, trong thời gian CPH, số lượng các nhà đầu tư nước ngoài tham gia ít, nhưng sau

CPH, sự tham gia của nhà đầu tư nước ngoài đã tăng lên đáng kể như trường hợp của Habeco, Bảo Việt, Vietcombank hay Vietinbank...

Hầu hết DNNN sau CPH đều có tốc độ tăng trưởng khá, kinh doanh hiệu quả hơn, cho thấy CPH đã góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Theo số liệu báo cáo của Bộ Tài chính về các DNNN đã CPH giai đoạn 2011-2015, kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015 đều tăng hơn so với năm trước khi CPH, cụ thể: Vốn điều lệ tăng 72%; tổng tài sản tăng 39%; vốn chủ sở hữu tăng 60%; doanh thu tăng 29%; lợi nhuận trước thuế tăng 49%; nộp ngân sách tăng 27%; thu nhập bình quân của người lao động tăng 33%.

CPH cũng đã góp phần tái cơ cấu nguồn nhân lực cho doanh nghiệp và xã hội, đảm bảo nguồn nhân lực được sử dụng hợp lý và hiệu quả hơn. Các doanh nghiệp cơ cấu lại toàn bộ nguồn nhân lực của mình thông qua phương án sắp xếp lao động khi CPH, lao động dôi dư ở các đơn vị sắp xếp, CPH được hưởng chính sách trợ cấp; hỗ trợ đào tạo, đào tạo lại nghề. Vì vậy, nguồn nhân lực của xã hội được cơ cấu lại để sử dụng một cách hợp lý và có hiệu quả hơn, đồng thời vẫn duy trì và đảm bảo ổn định an sinh xã hội.

Đối với nền kinh tế, CPH góp phần thúc đẩy quá trình tái cơ cấu nền kinh tế cả về ngành, lĩnh vực hoạt động lẫn đối tượng tham gia; giảm gánh nặng cho ngân sách Nhà nước; tạo điều kiện cho khu vực tư nhân phát triển, nâng cao vai trò trong nền kinh tế. CPH là giải pháp chủ yếu để tái cấu trúc hệ thống DNNN, góp phần tái cơ cấu nền kinh tế. Hệ thống doanh nghiệp Nhà nước đã và đang được đổi mới, sắp xếp, thu gọn, từ chỗ có hơn 12.000 DNNN năm 1990 hoạt động ở hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế, thì đến cuối năm 2015, cả nước chỉ còn khoảng 652 DNNN hoạt động tập trung hơn vào những ngành, lĩnh vực then chốt, lĩnh vực công ích, an ninh, quốc phòng. Sự rút lui của khu vực DNNN

đã tạo nhiều cơ hội cho sự tham gia của khu vực tư nhân.

CPH cũng giúp làm giảm mạnh những DNNN quy mô nhỏ, thua lỗ thuộc các ngành, lĩnh vực mà Nhà nước không cần nắm giữ 100% vốn điều lệ, góp phần giảm gánh nặng tài khóa liên quan đến các DNNN thua lỗ, giúp cải thiện ngân sách, tài chính và tạo nguồn thu thuế mới, huy động được các nguồn đầu tư tài chính từ khu vực tư nhân; tạo nguồn lực để phân bổ cho các mục tiêu ưu tiên khác.

Thông qua CPH đã thực hiện mục tiêu bán bớt phần vốn tại doanh nghiệp mà Nhà nước không cần nắm giữ 100% vốn để tập trung đầu tư vào các lĩnh vực, dự án quan trọng của Nhà nước, tạo cơ sở để thúc đẩy nền kinh tế phát triển bền vững, đồng thời tăng cường huy động vốn từ xã hội. Theo số liệu của Bộ Tài chính, tính đến tháng 8/2011, Quý hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp đã thu được hơn 55 nghìn tỷ đồng, trong đó nguồn thu từ việc bán phần vốn Nhà nước đạt gần 36 nghìn tỷ đồng và hơn 12 nghìn tỷ đồng thu từ cổ tức phần vốn Nhà nước tại các doanh nghiệp đã CPH.

Ngoài ra, trên bình diện người tiêu dùng, CPH cũng góp phần giúp người tiêu dùng được hưởng sản phẩm, dịch vụ giá thấp hơn nhưng chất lượng tốt hơn.

Những thách thức và giải pháp

Mặc dù CPH DNNN đã đạt được những kết quả tích cực nhưng thực tế vẫn còn không ít tồn tại, bất cập.

Thứ nhất, CPH DNNN chưa đạt yêu cầu về tiến độ. Việc thực hiện sắp xếp và CPH DNNN còn chậm. Giai đoạn 2011- 2015, mới chỉ CPH được 353/432 doanh nghiệp (đạt hơn 81% so với kế hoạch). Còn 79 doanh nghiệp được chuyển sang CPH trong giai đoạn 2016- 2020. Nguyên nhân cơ bản là do đối tượng thuộc diện CPH hiện nay là những doanh nghiệp có quy mô lớn hơn, phạm vi hoạt động rộng, tài chính phức tạp hơn, đặc biệt là các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, trong khi cơ chế,

chính sách mặc dù đã được hoàn thiện nhưng vẫn chưa đủ để xử lý được những khó khăn, vướng mắc phát sinh. Bên cạnh đó, thị trường chứng khoán chưa phục hồi, sức mua giảm hay tâm lý "sợ mất quyền", "sợ trách nhiệm"... cũng phần nào ảnh hưởng đến tiến trình CPH.

Thứ hai, Nhà nước vẫn nắm cổ phần chi phối ở khá nhiều doanh nghiệp, kể cả những doanh nghiệp không thuộc diện Nhà nước cần chi phối. Điều này dẫn đến sự tham gia của các thành phần kinh tế khác còn hạn chế, chưa phát huy được hết nguồn lực hiện có, chưa thu hút được sự tham gia của các cổ đông chiến lược.

Thực tế, vẫn còn nhiều doanh nghiệp không thuộc diện cần duy trì sở hữu nhà nước nhưng ngay phương án CPH những doanh nghiệp này vẫn xác định duy trì cổ phần nhà nước, thậm chí cổ phần Nhà nước chi phối. Đây chính là nguyên nhân làm cho nhiều nhà đầu tư không mặn mà với CPH DNNN.

Thứ ba, vẫn còn khá nhiều doanh nghiệp sau CPH chưa thực sự đổi mới trong quản trị công ty, phương pháp quản lý, lễ lối làm việc, tính công khai, minh bạch chuyển biến chậm nên hiệu quả hoạt động chưa có nhiều cải thiện.

Để CPH tiếp tục là giải pháp mang tính chiến lược, tạo đột phá, thu hút các nguồn lực cả trong và ngoài nước tham gia vào quá trình quản trị và phát triển doanh nghiệp, tạo nền tảng phát triển kinh tế - xã hội, thời gian tới cần tập trung đẩy mạnh những giải pháp sau:

Trước hết, cần phải đổi mới tư duy về CPH. CPH không chỉ dừng lại ở việc hoàn thành các quy trình, thủ tục CPH và đăng ký doanh nghiệp dưới hình thức công ty cổ phần mà phải đảm bảo cải thiện quản trị doanh nghiệp, hiện đại hóa doanh nghiệp để tăng sức cạnh tranh, tăng năng suất, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, hướng tới phát triển doanh nghiệp bền vững. Do đó, cần tăng chất lượng CPH, thực hiện CPH chiếu sâu, tiến hành tái cơ cấu trước khi CPH, không nên chạy theo tiến độ CPH bằng mọi giá.

Cách thức tiến hành CPH cũng cần phải thay đổi, tránh tình trạng CPH "hình thức" nhằm đạt được chỉ tiêu về số lượng. Bởi vì, nếu chỉ thực hiện CPH ở mức 5, 10, 20 hay 30% thì rất khó thu hút được nhà đầu tư, đặc biệt là những nhà đầu tư chiến lược có tiềm lực về tài chính, công nghệ, kinh nghiệm... CPH cần đi vào thực chất với sự tham gia của nhiều cổ đông bên ngoài, đặc biệt là cổ đông chiến lược, đảm bảo vai trò và tiếng nói của cổ đông thì mới thay đổi quản trị doanh nghiệp, đảm bảo doanh nghiệp hoạt động hiệu quả hơn.

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách CPH, đặc biệt là cơ chế, chính sách tìm kiếm, thu hút nhà đầu tư chiến lược. Tuy nhiên, cần lưu ý mỗi doanh nghiệp có đặc thù riêng, phải có cơ chế chính sách đặc thù để xử lý...

Thực hiện cơ chế công khai, minh bạch thông tin, tạo điều kiện cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước tiếp cận được đầy đủ thông tin về doanh nghiệp CPH, thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp sau CPH...

Tiếp tục xác định rõ chế độ trách nhiệm, chế tài xử lý đối với các chủ thể có liên quan trong trường hợp trì hoãn CPH, thoái vốn nhà nước...

GIẢI PHÁP TĂNG VỐN cho các Ngân hàng thương mại Nhà nước

TS. Đỗ Thu Hằng
Học viện Ngân hàng

Trong hệ thống ngành Ngân hàng, khối Ngân hàng thương mại Nhà nước (NHTMNN) chiếm một vị trí quan trọng, là nơi cung cấp vốn cho nền kinh tế, đồng thời là cầu nối các doanh nghiệp với thị trường và nền tài chính quốc gia với nền tài chính quốc tế. Đặc biệt, trong bối cảnh hiện nay, NHTMNN đã thực sự trở thành công cụ đắc lực, trọng yếu của Chính phủ trong điều hành nền kinh tế, thực hiện mục tiêu tăng trưởng, ổn định cân đối vĩ mô nền kinh tế, kiểm soát lạm phát và đảm bảo an sinh xã hội.

Mặc dù đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế đất nước, là kênh dẫn vốn chủ chốt trong nền kinh tế song trong quá trình thực hiện vai trò đối với nền kinh tế, các NHTMNN đang đứng trước những thách thức lớn, đặc biệt là về nguồn vốn. Theo số liệu của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), tính đến hết năm 2015, khối NHTMNN chiếm tỷ trọng lên đến 45% tổng tài sản toàn hệ thống, 50,2% dư nợ tín dụng và 46,3% huy động vốn toàn hệ thống. Đặc biệt, trong giai đoạn 2011-2015, khối các NHTMNN đã đóng góp chính vào tăng trưởng toàn ngành với mức tăng trưởng tổng tài sản là 13,8%/năm, cao hơn mức 10,3%/năm toàn hệ thống và đóng góp đến 57% tăng trưởng; tăng trưởng tín dụng ở mức trung bình 17,1%/năm cao hơn mức tăng trưởng 13,5%/năm toàn ngành. Tuy nhiên, cũng theo BIDV, năng lực tài chính của khối NHTMNN đang trong tình trạng suy giảm nghiêm trọng. Trong giai đoạn 2011-2015, tài sản có rủi ro (TSCRR) của khối tăng trưởng trung bình